BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 212/2010/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2010*

THÔNG TƯ
Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2008/NQ-CP ngày 31/7/2008 của Chính phủ về từng bước khắc phục ùn tắc giao thông tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5595/VPCP-KTTH ngày 10/8/2010;

Sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp (Công văn số 3090/BTP-PLDSKT ngày 01/9/2010); Bộ Công an (Công văn số 2710/BCA-C61 ngày 04/10/2010): Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 6030/BGTVT-TC ngày 01/9/2010); UBND thành phố Hà Nội (Công văn số 8585/UBND-KT ngày 26/10/2010) và UBND thành phố Hồ Chí Minh (Công văn số 5502/UBND-ĐTMT ngày 01/11/2010);

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ như sau:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài khi được cơ quan công an cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì phải nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số theo quy định tại Thông tư này. Thông tư này không áp dụng đối với xe chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (do

cơ quan giao thông cấp giấy đăng ký) và xe cơ giới của quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Điều 2. Miễn lệ phí

Các trường hợp sau đây được miễn nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông:

1. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống liên hợp quốc.

2. Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự nước ngoài, thành viên các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và thành viên của gia đình họ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương được Bộ Ngoại giao ủy quyền cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

Trường hợp này khi đăng ký phương tiện giao thông, người đăng ký phải xuất trình với cơ quan đăng ký chứng minh thư ngoại giao (màu đỏ) hoặc chứng minh thư công vụ (màu vàng) theo quy định của Bộ Ngoại giao.

3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài khác (cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ ngoài hệ thống liên hợp quốc, cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ, các đoàn của tổ chức quốc tế, thành viên của cơ quan và tổ chức khác) không thuộc đối tượng nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nhưng được miễn nộp hoặc không phải nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số theo điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Trường hợp này tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan đăng ký:

- Đơn đề nghị miễn nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số, có ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là tổ chức).

- Bản sao hiệp định hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài bằng tiếng Việt Nam (có xác nhận của Công chứng nhà nước hoặc ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu xác nhận của chủ chương trình, dự án).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này một số từ ngữ được hiểu như sau:

a) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, gồm: Xe ôtô, máy kéo và các loại xe được cấp biển tương tự như ôtô (gọi chung ôtô); xe máy. Trong đó:

- Xe ôtô dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) là xe ôtô con chở người, không bao gồm xe lam.

- Xe máy, gồm: xe môtô hai bánh, xe môtô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật.

b) Các thành phố, thị xã quy định tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính nhà nước, cụ thể như sau:

- Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trực thuộc Trung ương khác bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành, đô thị hay nông thôn.

- Thành phố trực thuộc tỉnh, các thị xã bao gồm tất cả các phường, xã thuộc thành phố, thị xã không phân biệt là phường nội thành, nội thị hay xã ngoại thành, ngoại thị.

c) Cấp mới giấy đăng ký và biển số chỉ áp dụng đối với các phương tiện giao thông đăng ký lần đầu tại Việt Nam (kể cả các phương tiện giao thông đã qua sử dụng hay đã đăng ký tại nước ngoài) theo quy định của Bộ Công an.

d) Cấp lại giấy đăng ký hoặc biển số áp dụng đối với trường hợp mất giấy đăng ký hoặc biển số; đổi lại giấy đăng ký hoặc biển số áp dụng đối với các trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc rách, hư hỏng giấy đăng ký xe, hư hỏng, mờ biển số xe.

e) Khu vực:

- Khu vực I: Gồm thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Khu vực II: Gồm các thành phố trực thuộc Trung ương (trừ thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh), các thành phố trực thuộc tỉnh và các thị xã.

- Khu vực III: Gồm các khu vực khác ngoài khu vực I và khu vực II nêu trên.

Điều 4. Biểu mức thu

1. Mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông được thực hiện theo Biểu mức thu như sau:

Đơn vị tính: đồng/lần/xe

Số TT	CHỈ TIÊU	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
I	**Cấp mới (đăng ký lần đầu tại Việt Nam) giấy đăng ký kèm theo biển số**			
1	Ôtô; Trừ ôtô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách áp dụng theo điểm 2 mục này.	150.000 - 500.000	150.000	150.000

Số TT	CHỈ TIÊU	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
2	Xe ôtô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trở xuống không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách	2.000.000-20.000.000	1.000.000	200.000
3	Sơ mi rơ móc đăng ký rời, rơ móc	100.000-200.000	100.000	100.000
4	Xe máy (theo giá tính lệ phí trước bạ)			
a	Trị giá từ 15.000.000 đồng trở xuống	500.000-1.000.000	200.000	50.000
b	Trị giá trên 15.000.000 đến 40.000.000 đồng	1.000.000-2.000.000	400.000	50.000
c	Trị giá trên 40.000.000 đồng	2.000.000-4.000.000	800.000	50.000
-	Riêng xe máy 3 bánh chuyên dùng cho người tàn tật	50.000	50.000	50.000
II	**Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký**			
1	Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số			
a	Ôtô; Trừ ôtô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải khách di chuyển từ khu vực có mức thu thấp về khu vực có mức thu cao thu theo điểm 2 mục I Biểu này	150.000	150.000	150.000
b	Sơ mi rơ móc đăng ký rời, rơ móc	100.000	100.000	100.000
c	Xe máy; Trừ xe máy di chuyển từ khu vực có mức thu thấp về khu vực có mức thu cao, áp dụng theo điểm 4, mục I Biểu này	50.000	50.000	50.000
2	Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số ôtô, xe máy (nếu cấp lại biển số thì thu theo giá mua thực tế).	30.000	30.000	30.000

Số TT	CHỈ TIÊU	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
III	**Cấp giấy đăng ký và biển số tạm thời**			
1	Xe ôtô. Riêng cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời cho xe ôtô con dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) không hoạt động kinh doanh vận tải khách thu theo điểm 2 mục I Biểu này.	50.000	50.000	50.000
2	Xe máy. Riêng cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời cho xe máy thu theo điểm 4 mục I Biểu này	50.000	50.000	50.000
IV	**Đóng lại số khung, số máy**	50.000	50.000	50.000

2. Căn cứ mục I Biểu mức thu này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức thu cụ thể, thì áp dụng mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số theo mức tối thiểu quy định tại mục I Biểu mức thu này.

Đối với xe chuyên dùng của công an sử dụng vào mục đích an ninh được phép đăng ký tại Khu vực I thì áp dụng mức thu tối thiểu tại mục I Biểu mức thu này.

3. Tổ chức, cá nhân hiện ở khu vực nào thì nộp lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông theo mức thu quy định tương ứng với khu vực đó, nếu là tổ chức thì nộp lệ phí theo địa chỉ nơi đóng trụ sở ghi trong đăng ký kinh doanh, nếu là cá nhân thì nộp lệ phí theo địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

4. Một số chỉ tiêu quy định trong Biểu mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông áp dụng như sau:

4.1. Mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số xe ôtô con không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách quy định tại điểm 2, mục I Biểu mức thu không áp dụng đối với các trường hợp sau:

a) Xe ôtô con của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải chở khách được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh vận tải hành khách. Trường hợp này khi đăng ký xe ôtô con, các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải hành khách phải cung cấp cho cơ quan đăng ký:

+ Giấy giới thiệu của công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hành khách. Giấy giới thiệu phải ghi rõ số lượng, chủng loại xe đăng ký.

+ Giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hành khách của cơ quan có thẩm quyền cấp.

b) Xe ôtô con cho thuê tài chính đối với các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hành khách). Khi đăng ký xe, các công ty cho thuê tài chính phải cung cấp cho cơ quan đăng ký:

+ Giấy giới thiệu của công ty cho thuê tài chính, ghi rõ số lượng, chủng loại xe ôtô đăng ký để cho thuê tài chính.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính ký kết giữa công ty thuê là công ty kinh doanh vận tải hành khách và công ty cho thuê tài chính, trong đó phải ghi rõ: Số lượng xe ôtô con cho thuê, thời hạn thuê (nếu là bản sao thì phải có công chứng).

Các trường hợp trên (a, b) phải nộp lệ phí cấp đăng ký và biển số theo mức thu quy định tại điểm 1, mục I, Biểu mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

4.2. Mức thu lệ phí cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký quy định tại mục II, Biểu mức thu không áp dụng đối với việc cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký và biển số xe ôtô con không hoạt động kinh doanh vận tải hành khách và xe máy chuyển từ khu vực phải nộp lệ phí quy định mức thu thấp về khu vực phải nộp lệ phí quy định mức thu cao (không phân biệt có đổi chủ tài sản hay không đổi chủ tài sản). Trường hợp này tổ chức, cá nhân phải nộp lệ phí cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký và biển số theo mức thu cấp mới quy định tại điểm 2 (đối với ôtô), điểm 4 (đối với xe máy) mục I Biểu mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

Ví dụ 1: Ông A có hộ khẩu tại thành phố Hà Nội, đã được Công an thành phố Hà Nội cấp giấy đăng ký và biển số xe, sau đó ông A bán xe đó cho ông B cũng ở tại thành phố Hà Nội thì khi đăng ký ông B chỉ phải nộp lệ phí cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký và biển số theo mức thu quy định tại mục II, Biểu mức thu quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Ví dụ 2: Ông H ở huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang, được Công an tỉnh Bắc Giang cấp giấy đăng ký và biển số xe (ôtô hoặc xe máy), sau đó ông H bán cho ông

B tại Hà Nội thì khi đăng ký ông B phải nộp lệ phí theo mức thu cấp mới tại Hà Nội quy định tại điểm 2 (đối với xe ôtô con), điểm 4 (đối với xe máy), mục I Biểu mức thu quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

4.3. Đối với ôtô, xe máy của cá nhân đã được cấp giấy đăng ký và biển số tại khu vực phải nộp lệ phí quy định mức thu thấp, chuyển về khu vực phải nộp lệ phí quy định mức thu cao vì lý do di chuyển công tác hoặc di chuyển hộ khẩu, mà khi đăng ký không thay đổi chủ tài sản và có đầy đủ thủ tục theo quy định của cơ quan Công an thì áp dụng mức thu quy định tại mục II, Biểu mức thu quy định tại khoản 1 Điều này.

4.4. Trị giá xe máy làm căn cứ áp dụng mức thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số là giá tính lệ phí trước bạ tại thời điểm đăng ký.

Điều 5. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền lệ phí

1. Cơ quan Công an tổ chức đăng ký, cấp giấy đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thực hiện thu lệ phí theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân đăng ký phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phải nộp lệ phí theo mức thu quy định tại Thông tư này trước khi được cấp giấy đăng ký và biển số.

3. Số tiền lệ phí thu được theo quy định tại Thông tư này, tùy theo số thu nhiều hay ít mà định kỳ hàng ngày hoặc một tuần một lần, cơ quan Công an phải gửi vào tài khoản "tạm giữ tiền phí, lệ phí" mở tại Kho bạc Nhà nước nơi đóng trụ sở chính. Toàn bộ số tiền lệ phí thu được, sau khi trừ số tiền mua biển số theo mức giá của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ (giá thực tế ghi trên hóa đơn bán hàng do Bộ Tài chính phát hành), số tiền còn lại (coi như 100%) được phân phối, sử dụng như sau:

3.1. Cơ quan Công an thực hiện việc thu lệ phí được trích một phần theo tỷ lệ phần trăm (%) sau đây:

- Tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng nhân dân thành phố quy định cụ thể, nhưng tối đa không quá 10%.

- Tại thành phố trực thuộc Trung ương khác: 20%.

- Tại các tỉnh khác còn lại: 35%.

Cơ quan Công an sử dụng số tiền được trích theo tỷ lệ quy định trên đây để sử dụng cho việc thu lệ phí theo các nội dung chi cụ thể sau:

a) In (hoặc mua) biểu mẫu, tờ khai, đơn và hồ sơ đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng ký, sổ sách theo dõi việc đăng ký; kể cả ép plastic, cà số xe.

b) Chi sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí.

c) Các khoản chi thường xuyên khác trực tiếp phục vụ việc cấp giấy chứng nhận đăng ký và biển số theo chế độ nhà nước quy định (trừ chi phí tiền lương cho lực lượng công an và công nhân viên chức nhà nước đã hưởng tiền lương theo chế độ quy định).

d) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thực hiện việc thu lệ phí cấp giấy đăng ký và biển số. Mức trích lập hai quỹ khen thưởng và phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Toàn bộ số tiền lệ phí được trích theo tỷ lệ quy định trên đây, cơ quan Công an phải cân đối vào kế hoạch tài chính năm. Quá trình quản lý phải sử dụng đúng nội dung chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và phải có chứng từ hóa đơn hợp pháp theo quy định. Căn cứ số tiền lệ phí được trích để lại phục vụ việc thu lệ phí, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyết định điều hòa số tiền lệ phí được trích từ đơn vị thừa sang cho đơn vị thiếu (nếu ở địa phương đã phân cấp việc đăng ký phương tiện giao thông cơ giới đường bộ cho Công an huyện). Quyết toán năm, nếu chưa chi hết số tiền được trích thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3.2. Số tiền còn lại (Tổng số thu, trừ (-) tiền mua biển số, trừ (-) số trích để lại cho cơ quan Công an theo tỷ lệ quy định), cơ quan Công an thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, loại, khoản, mục và tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Thông tư này thay thế Thông tư số 34/2003/TT-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 115/2004/TT-BTC ngày 03/12/2004 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2003/TT-BTC ngày 16/4/2003.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí cấp đăng ký và biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn